

THUYẾT VÔ CẤU XUNG KINH SỞ

QUYỂN 4 (PHẦN 2)

Kinh: *Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn... đến vấn an bệnh của ông ấy.*

Tán: Lần thứ tư, Đức Phật bảo ngài Tô-đạt-đa. Đầu tiên là sai bảo, sau là từ chối. Đây là lời sai bảo. Tô-đạt-đa, Hán dịch là Thiện Thí, vì hay khéo léo ban thí cho kẻ bần cùng cô độc, tâm không bồn sấn cho nên gọi là Thiện Thí. Bản xưa gọi là Thiện Đức, thì danh nghĩa hơi trái.

Kinh: *Tô-đạt-đa... không kham nhận đến thăm bệnh ông ấy.*

Tán: Đây là lời từ chối, gồm ba phần: Đầu tiên là nêu tổng quát về đạo lực đã bị khuất phục. Ông lập hội bố thí tài vật, là cầu phước báu thế gian; Ta dạy lập hội bố thí pháp, khiến cầu đạo xuất thế, cho nên đạo thì cùng lý thì khuất, vì thế mà từ chối.

Kinh: *Vì sao?... hết kỳ hạn bảy ngày.*

Tán: Hiển riêng về lý cùng, gồm hai: Tự hỏi và giải thích. Trong phần hiển có hai:

1. Trình bày việc của mình.
2. Thuật lời của Vô Cấu.

Đây là lời tự hỏi và nêu việc của mình. Từ tức là cầu nguyện, hội tức tập hội. Tài bảo và thức ăn đều dâng hết, để cầu được quả báo thù thắng, và mọi người đều tập trung vào một nơi, cho nên gọi là từ hội; chẳng phân biệt tăng tục, cho nên có Sa-môn và Bà-la-môn, chẳng chọn lựa chánh tà, cho nên có ngoại đạo. Chẳng phân biệt người bần cùng, cho nên có người hành khát, cô độc. Không có cha mẹ gọi là cô, không có con, em là độc. Tâm cầu phước thế gian, cho nên chỉ kỳ hạn bảy ngày là xong.

Kinh: *Lúc bấy giờ, Vô Cấu Xung... đâu cần dùng hội tài thí cầu khẩn.*

Tán: Hiển thị lời của Vô Cấu, gồm có bốn:

1. Khuyên chung về việc bỏ tài mạng tu pháp thí.

2. Hiểu riêng về tướng của các hạnh pháp thí.
3. Hai trăm Phạm chí phát đại tâm.
4. Thiện Thí vui mừng ban thí chuỗi anh lạc...

Đây là văn thứ nhất. Cách tài thí mà ông làm hôm nay là không đúng, cần phải lập pháp hội mà bỏ tài thí.

Kinh: *Con nói, thưa cư sĩ... hội pháp thí*

Tán: Trình bày riêng về tướng của hội pháp thí, gồm có ba:

1. Hỏi.
2. Đáp.
3. Kết luận lợi ích thù thắng.

Đây là lời hỏi.

Kinh: *Ông ấy trả lời... hội pháp thí.*

Tán: Đây là lời đáp, gồm có ba:

1. Đáp chung.
2. Tự hỏi.
3. Giải thích rộng.

Đây là phần đáp chung. Thời gian thì chẳng trước sau để hiển tâm bình đẳng; thực hành mỗi một hạnh thì cảm đạt quả lợi lớn, cúng dường tất cả thì hiển nhân nơi cảnh mà biến chuyển thì quả cũng to lớn.

Kinh: *Việc ấy thế nào?*

Tán: Lời tự hỏi.

Kinh: *Nghĩa là dùng... dẫn phát tâm xả lớn.*

Tán: Đây là phần giải thích rộng, gồm ba mươi hai câu. Phân làm năm: Bốn câu đầu nói về hạnh vô lượng. Sáu câu kế nói hạnh Ba-la-mật. Ba câu kế nói hạnh đẳng trì; chín câu kế nói hạnh tạp tu; mười câu sau cùng nói về hạnh thứ tự. Đây tức đoạn đầu. Thuyết niềm vui Bồ-đề ban phát cho chúng sinh gọi là Từ, vì thuyết trí giác dẫn phát đại Từ. Giải thoát tướng khổ dẫn phát đại bi, tức nhổ trừ tội khổ cho chúng sinh khiến họ được giải thoát, do thuyết Niết-bàn mà dẫn sinh đại bi. Bản xưa ghi là “Vì cứu chúng sinh”, nên bạt khổ, kính ngưỡng khiến được giải thoát. Muốn khiến chúng sinh đều tùy hỷ, dẫn phát tâm đại Hỷ. Bản dịch xưa ghi: “Vì giữ gìn chánh pháp mà khởi tâm hỷ”, nên tại tâm xả mà khiến cho xa lìa. Chánh pháp tức pháp giáo, lý, hạnh; đối với chánh pháp nên khiến nhiếp thọ. Vả lại nên khiến cho ở nơi quả pháp chánh trí mà dẫn phát đại Xả, tức là khiến xả bỏ tham, sân, si mà nhiếp thọ chánh pháp. Bản xưa văn khác biệt, ý nghĩa cũng chẳng đồng.

Kinh: *Dùng thiện tịch tĩnh... Ba-la-mật-đa.*

Tán: Đây là hạnh sáu Ba-la-mật. Khiến các chúng sinh trừ xan

tham... Khéo tu tịch tĩnh điều phục tâm hành, dẫn phát sự bố thí. Giáo hóa người phạm giới tức dẫn sinh tịnh giới.

Kinh: *Dùng tất cả pháp... Ba-la-mật-đa.*

Tán: Nếu có ngã thì chẳng thể kham nhẫn, vì thấy có khổ lớn, cho nên không có tướng ngã thì dẫn phát sự kham nhẫn. Nếu chấp trước thân tâm thì chẳng thể tinh tấn, mà sinh mệt mỏi; xa lìa tướng thân tâm, thì có thể tinh tấn, chẳng sợ lao nhọc.

Kinh: *Dùng giác chi tối thắng... Ba-la-mật-đa.*

Tán: Thất giác vô lậu ắt nương vào tịnh lực, cho nên giác chi dẫn phát thiền định. Bản xưa ghi là Bồ-đề tức là Bồ-đề phần. Nghe hai trí của Phật, nhất định sẽ chứng ngộ, cho nên dẫn phát Bát-nhã.

Kinh: *Dùng việc hóa độ tất cả chúng sinh... dẫn phát vô nguyện.*

Tán: Đây là hạnh, đấng trì gồm ba câu. Thấy có chúng sinh, thì chẳng thể hóa độ, vì độ chúng thì cũng chẳng bền chắc. Quán ngã như không cho nên thường hóa độ. Vì thế dùng tướng hóa độ mà dẫn phát không, hữu vi hữu tướng thì tâm thần nhiễu loạn, vì đối trị việc này, cho nên dẫn phát tu vô tướng. Bản dịch xưa ghi: “Chẳng xả hữu vi”, thì trái ngược với bản này. Bồ-tát thường ở nơi hai cõi Dục và sắc tùy loại mà hóa sinh, gọi là cố tác ý thọ sinh hành tướng; dẫn phát vô nguyện, vốn chẳng nguyện cầu thọ sinh nơi ba cõi, gọi là cố tác ý.

Kinh: *Dùng sự khéo nhiếp thọ... dẫn phát vô mạn.*

Tán: Đoạn này nói về hạnh tập tu gồm chín câu. Lực có hai loại là tư trạch và tu tập. Dùng hành tướng nhiếp thọ chánh pháp mà dẫn phát hai lực tư trạch và tu tập. Mạng căn có hai:

1. Mạng căn thế gian, tức chủng tử thức thứ tám.
2. Mạng căn thắng nghĩa tức chủng tử tuệ.

Khéo tu tập các pháp nhiếp, tùy thuận các hành tướng sai biệt thích hợp mà dẫn phát hai mạng căn này. Bản xưa, lời văn hỏi có sai khác. Bồ-tát trì giới, đối với loài hữu tình tâm không cống cao, mà như nô bộc, như Chiên-đà-la, như người con hiếu thảo. Cho nên như kẻ nô bộc mà dẫn phát tâm vô mạn (ngã mạn).

Kinh: *Dùng pháp chẳng chắc thật... dẫn phát chánh niệm.*

Tán: Tài sản sinh tử hữu lậu gọi là pháp chẳng chắc thật, tài sản xuất thế vô lậu gọi là pháp chắc thật, dùng cái này đổi lấy cái kia, cho nên gọi là mậu dịch. Đem thân mạng tài hữu lậu không chắc thật đổi lấy thân mạng tài hữu lậu chắc thật. Sáu tùy niệm là Phật, Pháp, Tăng, Thí, Giới, Tu, tùy theo giác mà duyên với sáu pháp này cho nên gọi là tùy niệm. Do tùy niệm mà niệm vô lậu sinh khởi, gọi là dẫn chánh niệm.

Kinh: *Dùng tu tập các pháp tịnh diệu... dẫn phát tịnh mạng.*

Tán: Quán hành tướng tịnh diệu của các pháp vô lậu mà dẫn phát tâm ý lạc tín giải. Bản xưa ghi: Nơi sáu pháp hòa kính mà khởi tâm chất trực. Sáu hòa kính là thân, ngữ, ý, giới, thí và kiến; đồng mà cung kính nhau nên gọi là sáu hòa kính, vì thế khởi tâm chất trực. Nghĩa tuy như thế, nhưng vẫn còn thiếu. Tướng ba nghiệp chân chánh mà dẫn phát tịnh mạng, chẳng dùng tham sân... dẫn phát tà mạng.

Kinh: *Dùng tịnh hoan hỷ... dẫn phát tâm điều phục.*

Tán: Dùng thiện hoan hỷ, lại thích thân cận, cho nên có thể phụng sự các bậc Hiền Thánh; dùng hành tướng chẳng ganh ghét người chẳng bài xích bậc Thánh để điều phục tự tâm, chẳng sinh sân nhuế.

Kinh: *Dùng thiện thanh tịnh... thiện xảo đa văn.*

Tán: Đoạn này gồm mười câu nói về hạnh thứ tự. Vì khéo xuất gia, nên tâm sinh tín hiểu, thường tu trung đạo, dẫn phát đa văn. Chẳng đa văn thì chẳng biết trung đạo, tự có đa văn chẳng có thiện xảo. Có dụng diệu tuệ mà đa văn gọi là xảo đa văn. Đã xuất gia, thì kế đến được nghe pháp.

Kinh: *Dùng pháp vô tranh... dẫn phát yên tọa.*

Tán: A-luỵên-nhã Xứ, Hán dịch là Nhân tịch Sở. Bản xưa ghi là A-lan-nhã, tức là nơi vắng vẻ cách xa thôn xóm khoảng hai dặm trở lên. Do trụ nơi đây, nên chẳng cùng cạnh tranh với người nên tu được hạnh vô tranh. Vì thế muốn thông đạt được pháp tướng vô tranh, dẫn phát việc ngồi nơi vắng vẻ, thì phải cầu trí Phật, dẫn phát yên tọa. Yên tọa định tâm thì trí phát sinh.

Kinh: *Dùng chánh dứt trừ... diệu phước tư lương*

Tán: Du-già, Hán dịch là tương ứng, giáo và lý, tâm và cảnh, định và tuệ, nhân và quả, thuốc và bệnh, đều có thể thuận nhau cho nên gọi là Tương ứng. Sự tức là hành giả học hạnh tương ứng này. Các sư Du-già gọi là Du-già Sư. Địa là sở y của sư, cho nên gọi là Du-già Sư Địa. Tức tùy thuận cảnh hạnh quả tương ứng với các pháp của ba thừa. Vì dứt trừ phiền não mà dẫn phát các địa này. Bản dịch xưa gồm chung ba mươi hai tướng quý, tám mươi vẻ đẹp phụ và thành thực hữu tình, trang nghiêm cõi Phật, dẫn phát diệu phước. Diệu phước tư lương chiêu cảm ba quả.

Kinh: *Dùng hành tướng biết tất cả tâm hành của hữu tình... diệu tuệ tư lương.*

Tán: Trí tức Ba-la-mật thứ mười, có hai loại:

1. Thọ pháp lạc.

2. Thành thực hữu tình.

Vì biết tâm hành sai biệt của hữu tình mà thuyết pháp dẫn phát trí độ. Tuệ tức Ba-la-mật-đa thứ sáu, tức tuệ vô sai biệt, đối với tất cả pháp không lấy không bỏ. Nhất chánh môn tức là chân như, nên ngộ nhập vào đó mà dẫn phát diệu tuệ.

Kinh: *Dùng hành tướng đoạn tất cả phiền não tập khí... pháp Bồ-đề phần.*

Tán: Phiền não thô gọi là tập khí, các pháp bất thiện đều gọi là chướng ngại, vì ngại thắng pháp. Vì đoạn trừ được thì liền dẫn phát và chứng đắc tất cả pháp thiện. Nhất thiết trí trí tức hai trí của Phật. Tất cả pháp thiện tức công đức của thân Phật. Vì tùy giác, nhân nơi tướng tư lương này mà dẫn phát, chứng ngộ tu hành. Tất cả pháp Bồ-đề phần tu tập là nhân Bồ-đề, đều có thể dẫn nhiếp cho nên gọi là Nhất thiết (tất cả).

Kinh: *Thiện nam! Các ông... hội pháp thí.*

Tán: Phần thứ ba, kết luận được lợi ích thù thắng, gồm có hai:

1. Kết luận.
2. Lợi ích.

Đây là văn thứ nhất.

Kinh: *Nếu các Bồ-tát... trời người cúng dường.*

Tán: Đây là nói về lợi ích. Tâm hành rộng lớn gọi là Đại thí chủ. Do thực hành cầu xuất thế có lợi ích rất nhiều, nên được trời người cúng dường.

Kinh: *Thế Tôn... tâm Chánh đẳng giác.*

Tán: Đoạn thứ ba, nói về việc hai trăm Phạm chí phát tâm Đại thừa.

Kinh: *Lúc bấy giờ con khen... ân cần dâng cúng.*

Tán: Đoạn thứ tư, nói về Bồ-tát Thiện Thí hoan hỷ cúng dường chuỗi anh lạc..., gồm năm phần:

1. Vui vẻ cúng dường.
2. Chẳng nhận.
3. Lại dâng cúng.
4. Mới nhận.
5. Lợi ích.

Đây là văn thứ nhất. Tâm không dối trá gọi là tịnh hoan hỷ. Hình tướng thế tục thấp kém, vị nhỏ cho nên kính lễ. Vật dùng để biểu thị tình cảm; lại cõi chuỗi anh lạc giá trị trăm ngàn là hiển thị tâm ân cần sâu nặng, cảm tạ ân đức, cho nên ân cần phụng hiến.

Kinh: Ông ấy không chịu nhận.

Tán: Thứ hai, nói về chẳng nhận. Tâm không đắm trước, tình cũng chẳng tham, cho nên đầu tiên không nhận.

Kinh: Con nói rằng: Thưa Đại sĩ!... tùy ý ban cho.

Tán: Lại dâng cúng. Thương xót cho tâm của tôi, nguyện xin nhận lãnh; tâm không tham trước, thì tùy ý ban cho ai cũng được.

Kinh: Lúc bấy giờ, Vô Cấu Xung... Nan Thắng Như Lai.

Tán: Thứ tư, mới thọ nhận, gồm hai ý:

1. Nhận của mình ban cho người khác tu hành.

2. Việc xong thuyết về pháp thí.

- Trong phần đầu lại có hai:

1. Nhận của mình ban cho người.

2. Hiện thần lực.

Đây là văn thứ nhất. Chẳng trái tâm người cho nên mới thọ nhận; hiển thị mình không tham trước, cho nên mới ban cấp cho người, kính và Bi đều cùng tốt cho nên phân làm hai phần để thí.

Kinh: Dùng sức thần thông... Nan Thắng Như Lai.

Tán: Đây là nói về thần lực.

1. Thấy ruộng tốt.

2. Thấy vật biến đổi.

Đây là đoạn nói về thấy ruộng tốt. Thế giới hư huyền, cho nên gọi là sóng năng. Ruộng Phật là bậc nhất tức Nan Thắng Như Lai.

Kinh: Thấy vật thí... rất yêu thích.

Tán: Đây là thấy vật thí biến hiện. Cho người bần cùng thì vẫn như cũ, cúng dường cho Phật thì vật lại biến, cho nên nói là một phần. Hiển tùy thuận Phật tức được xuất thế; chẳng tùy Phật tức sinh tử vẫn như cũ. Trong hư không hóa hiện, gọi là cõi Phật, chứng nhân pháp đều không, thường trụ ở pháp giới; mỗi phương một đài, cho nên nói bốn đài tức bốn đế vô lượng, giáo hóa bốn loại sinh. Trang nghiêm đều đầy đủ cho nên gọi là đẳng phân, bình đẳng cứu độ không thiên lệch. Các báu vật trang nghiêm xen kẽ nhau cho nên gọi là gián sức. Do phước tuệ này đầy đủ mà thành tựu như thế. Làm mất vui, tâm ưa thích cho nên gọi là khả ái lạc. Đó là chỗ quý trọng của chúng sinh.

Kinh: Hiện như thế... pháp thí kỳ nguyện.

Tán: Nói về việc thí đã xong thì thuyết pháp thí. Phàm pháp thí, thì tâm thấp kém, ắt do ruộng tốt cho nên tốt, ruộng xấu ắt do tâm tốt cho nên tốt, ruộng Phật và tâm thí cả hai đều tốt. Ruộng bi và tâm thí tốt, cho nên tốt. Vì thế thí cho người ăn xin cũng như tướng Như Lai,

không phân biệt, tâm thù thắng bình đẳng, nguyện dùng tâm rộng lớn ban cho niềm vui và diệt trừ khổ não, ban phát khắp tất cả. Chẳng cầu quả báo sinh tử trong ba cõi, mà hồi hướng đến Bồ-đề, gọi đó là pháp thí mãn, trừ pháp ấy ra thì không thể viên mãn.

Kinh: *Lúc bấy giờ người ăn xin... tâm Chánh đẳng giác.*

Tán: Đoạn thứ năm nói về lợi ích. Bất thoái địa, tức là Tín thứ sáu trong mười tín, có lòng tin bất thoái, tín bất thoái này tức là thắng tín giải trong tăng thượng ý lạc. Đã được ý lạc này thì liền phát tâm Đại thừa.

Kinh: *Đức Thế Tôn... đến thăm bệnh ông ấy.*

Tán: Kết luận nguyên do từ chối, tự thân kém sút xin thoái lui.

Kinh: *Như vậy, Đức Thế Tôn... đến vấn an bệnh ông ấy.*

Tán: Đoạn thứ hai, cuối phẩm là phần sai bảo các vị Bồ-tát khác, đều từ chối chẳng kham nhận. Gồm hai phần:

1. Sai bảo chung.

2. Từ chối chung.

Đây là phần thứ nhất.

Kinh: *Các vị Bồ-tát này... không kham nhận đến thăm bệnh ông*

ấy.

Tán: Đây là phần tất cả đều từ chối.
